

Bản án số: 13/2020/HS-PT.

Ngày: 16-01-2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũ.

Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Sơn-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Sáu-Kiểm sát viên.

Trong ngày 16-01-2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 99/2019/TLPT-HS ngày 20-12-2019 đối với bị cáo Tôn Thị Ngọc T do có kháng cáo của bị cáo T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2019/HS-ST ngày 12-11-2019 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị cáo có kháng cáo: Tôn Thị Ngọc T; Sinh ngày: 01-8-1985; Nơi sinh: Thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp T, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm công; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tôn Văn B và bà Dương Thị Q; Có chồng là ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1986 và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2010; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22-7-2019 cho đến nay. (có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Văn U-luật sư cộng tác viên trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sóc Trăng; (có mặt)

- Những người dưới đây không liên quan đến kháng cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập gồm: Bị hại BH1, BH2, BH3; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án NLQ1, NLQ2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc khoảng 15 giờ ngày 15-05-2019, bị cáo Tôn Thị Ngọc T điều khiển xe mô tô đến nhà của bà BH1 ở Khóm M, Phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng để cầm đồ. Khi bị cáo T đi vào trong nhà của BH1 thấy không có ai giữ nhà, cùng lúc đó thấy chiếc máy tính bảng hiệu Apple (loại Ipad mini) của BH1 để trên đầu tủ nhựa, bị cáo T liền lấy trộm chiếc máy tính bảng hiệu Apple (loại Ipad mini) bỏ vào túi nilon màu đen, rồi điều khiển xe mô tô về nhà. Sau đó, bị cáo T đem máy tính bảng bán cho ông NLQ1 (chủ Cửa hàng điện thoại X) được số tiền là 1.500.000 đồng. Đối với BH1, sau khi kiểm tra phát hiện bị mất chiếc máy tính bảng hiệu Apple, đã đến Công an Phường M để trình báo sự việc. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 88/KL-HĐĐG ngày 07-6-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã N kết luận: Chiếc máy tính bảng hiệu Apple của bị hại BH1 có giá trị 6.990.000 đồng. Qua công tác điều tra, xác minh, xác định được bị cáo T là người lấy trộm máy tính bảng của BH1, ngày 17-07-2019, cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã N khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với T. Đến vào khoảng 13 giờ ngày 12-08-2019, bị cáo T đi đến tiệm vải của bà Nguyễn Thị M ở Khóm M, Phường M, thị xã N giả vờ mua đồ, khi thấy chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F3 của bà BH2 (là người làm công cho bà M) để trên tủ, thì bị cáo lén lút lấy cắp chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F3 bỏ vào túi áo rồi bỏ đi ra về. Sau đó, bị cáo T đem chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F3 đến bán cho ông NLQ2 (chủ Cửa hàng điện thoại di động) được số tiền là 500.000 đồng. Đến khoảng 15 giờ ngày 12-08-2019, bị cáo T đến nhà của bà BH3 ở ấp L, xã T, thị xã N giả vờ xin nước rửa tay, khi đi vào trong nhà thấy chiếc điện thoại di động hiệu Samsung J5 Prime của bà BH3 để trên đầu tủ, bị cáo T lén lút lấy cắp chiếc điện thoại di động hiệu Samsung J5 Prime bỏ vào túi áo rồi bỏ đi về nhà. Đến ngày 13-08-2019, bị cáo T đem chiếc điện thoại di động Samsung J5 ra chợ Ngã Năm định bán, thì bị bà Nguyễn Thị M phát hiện đi trình báo cho Công an Phường M đến mời bị cáo T về cơ quan Công an làm việc, thì bị cáo T khai nhận hành vi đã lấy trộm điện thoại di động của bà BH2 và bà BH3 như trên, đồng thời thu giữ trong người của bị cáo 01 chiếc điện thoại Samsung J5.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 110/KL-HĐĐG ngày 14-8-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã N kết luận: Chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F3 của bà BH2 giá trị còn lại với số tiền 2.016.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 111/KL-HĐĐG ngày 15-8-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã N kết luận: Chiếc điện thoại di động hiệu Samsung J5 của bà BH3 giá trị còn lại với số tiền 4.593.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2019/HS-ST ngày 12-11-2019 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm h, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Tuyên bố bị cáo Tôn Thị Ngọc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Tuyên phạt bị cáo Tôn Thị Ngọc T 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện đến Cơ quan công an chấp hành án hoặc từ ngày bị bắt để chấp hành án.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

Đến ngày 25-11-2019, bị cáo Tôn Thị Ngọc T kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Tôn Thị Ngọc T giữ nguyên nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người bào chữa cho bị cáo Tôn Thị Ngọc T trình bày: Xét hoàn cảnh gia đình của bị cáo T khó khăn, đang nuôi hai con nhỏ; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các bị hai xin giảm nhẹ và xin cho bị cáo hưởng án treo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, chấp nhận cho bị cáo T được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của bị cáo Tôn Thị Ngọc T lập và nộp cho Tòa án nhân dân thị xã N vào ngày 25-11-2019 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo Tôn Thị Ngọc T về việc xin được hưởng án treo.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Tôn Thị Ngọc T như sau: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T khai nhận vào ngày 15-05-2019 bị cáo lấy trộm của bị hại Trần Thị Kim Liễu 01 (Một) chiếc máy tính bảng hiệu Apple (loại Ipad mini) có giá trị còn lại theo kết luận định giá là 6.990.000 đồng. Đến ngày 12-08-2019, bị cáo T tiếp tục lấy trộm của bị hại BH2 (Một) chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F3 có giá trị còn lại theo kết luận định giá là 2.016.000 đồng, sau đó bị cáo tiếp tục lấy trộm của bị hại BH3 01 (Một) chiếc điện thoại di động hiệu Samsung J5 Prime có giá trị còn lại theo kết luận định giá là 4.593.000 đồng. Lời thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của bị hại và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án mà cơ quan điều tra đã thu thập được. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận bị cáo Tôn Thị Ngọc T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét về kháng cáo của bị cáo về việc xin được hưởng án treo của bị cáo: Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo T có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội hai lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đồng thời, cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; chưa có tiền án, tiền sự theo quy định tại điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xét Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định đặc điểm nhân thân và áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như trên đối với bị cáo T là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Từ đó, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo T 06 tháng tù là phù hợp với mức độ, tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, đặc điểm nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ áp dụng đối với bị cáo. Xét trong vụ án này, bị cáo phạm tội 03 lần nên bị cáo thuộc trường hợp không được hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 3 của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận đơn kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 12, Điều 14, điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo T thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Tôn Thị Ngọc T.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2019/HS-ST ngày 12-11-2019 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Tôn Thị Ngọc T 06 (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 12, Điều 14 và điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Tôn Thị Ngọc T được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01)
- TAND thị xã N (02);
- VKSND thị xã N (01);
- CQĐT - Công an thị xã N (01);
- CQTHAHS-Công an thị xã N (01);
- Chi cục THADS thị xã N (01);
- Bị cáo, bị hại (04).
- PKTNV-THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Sơ Tư pháp (01);
- UBND xã Long Bình, thị xã N (01)
- Lưu hs, THS (04);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thanh Vũ